

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HS-ST

Ngày: 05 - 3 - 2019.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Anh Tuấn

***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Nguyễn Xuân Hòa;

Ông Trần Văn Toàn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:*** bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2019/TLST-HS ngày 16/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1. Mai Trọng T**, Sinh ngày 02 tháng 9 năm 1981 tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Phó Trưởng trạm phụ trách Trạm Khuyến nông thị xã B; con ông: Mai Văn S và bà Nguyễn Thị T; vợ: Cao Thị Minh T và con: 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh” tại Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình từ ngày 29/10/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Thị Hồng L**, Sinh ngày 31 tháng 3 năm 1986 tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán; con ông: Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng L1; chồng: Hoàng Công C và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh” tại Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình từ ngày 29/10/2018 cho đến nay.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1988, nơi cư trú: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Anh Trần Khắc N, sinh năm 1980, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Võ Văn T, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1950, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1987, nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Hà T, sinh năm 1991, nơi cư trú: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1969, nơi cư trú: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Lê Thanh S, sinh năm 1980, nơi cư trú: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị Thục A, sinh năm 1983, nơi cư trú: phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1957, nơi cư trú: Thôn H, xã H, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Hồ Thanh S, sinh năm 1968, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Phúc C, sinh năm 1954, nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978, nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1953, nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Ông Trần Văn S, sinh năm 1954, nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Ông Hoàng Quốc T, sinh năm 1958, nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1965, nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Lê Minh P, sinh năm 1983, nơi cư trú: phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Tất C, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình thực hiện tự chủ về tài chính, Mai Trọng T với chức vụ Phó trưởng Trạm phụ trách Trạm khuyến nông thị xã và Nguyễn Thị Hồng L - Kế toán Trạm đã lập không hồ sơ một số nguồn kinh phí, mô hình với mục đích lấy tiền Nhà nước phục vụ chi cho hoạt động của Trạm, cụ thể như sau:

Lập hồ sơ, chứng từ để chuyển khoản qua Kho bạc Nhà nước thị xã B: Vào tháng 12/2017, tháng 01/2018, Mai Trọng T và Nguyễn Thị Hồng L đã lập hồ sơ, chứng từ để chuyển khoản qua Kho bạc Nhà nước thị xã B các khoản tiền như sau:

- Nguồn kinh phí chi thường xuyên:

Ngày 21/12/2017, chuyển khoản thanh toán văn phòng phẩm quý 3 và 4/2017 với số tiền là 11.080.000 đồng; ngày 28/12/2017 chuyển khoản thanh toán tiền văn phòng phẩm tháng 12/2017 với số tiền là 4.680.000 đồng. Toàn bộ việc chuyển khoản trên, Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với bà Trần Thị T để mua hóa đơn và sau đó chuyển khoản tiền sang số tài khoản 3804205008084 tại Ngân hàng Agribank mang tên Trần Thị T.

Ngày 21/12/2017, chuyển khoản thanh toán tiền Phô tô quý 3 và 4/2017 với số tiền là 8.955.000 đồng. Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với bà Nguyễn Thị T để mua hóa đơn và sau đó chuyển khoản tiền sang số tài khoản 53210000025189 tại Ngân hàng B mang tên Phan Xuân H (họ hàng với bà T).

Ngày 29/12/2017, chuyển khoản thanh toán tiền nước uống từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017 với số tiền là 2.375.000 đồng. Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với bà Trần Thị Mỹ H để mua hóa đơn và sau đó chuyển khoản tiền sang số tài khoản 53210000012880 tại Ngân hàng B mang tên Trần Thị Mỹ H.

Ngày 27/12/2017, chuyển khoản thanh toán tiền tiếp khách 02 đợt với số tiền là 15.290.000 đồng. Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với bà Nguyễn Thị Hà T, Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Nhà hàng G để viết hóa đơn và sau đó chuyển khoản tiền sang số tài khoản 53210000387782 tại Ngân hàng B mang tên Công ty.

Ngày 21/12/2017, chuyển khoản thanh toán tiền tiếp khách với số tiền là 7.200.000 đồng. Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với bà Trần Thị Thu H - Công ty trách nhiệm hữu hạn và dịch vụ Nhà hàng P để ghi hóa đơn và sau đó chuyển khoản tiền sang số tài khoản 3804201004593 tại Ngân hàng A mang tên Công ty.

Ngày 26/01/2018, chuyển khoản thanh toán tiền thay Rum, gạt máy in với số tiền là 5.000.000 đồng. Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với ông Lê Thanh S - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Điện tử - Tin học N để ghi hóa đơn và sau đó chuyển khoản tiền sang số tài khoản 3804201001911 tại Ngân hàng A mang tên Công ty.

Ngày 29/12/2017, chuyển khoản thanh toán tiền in phong bì của trạm số tiền là 3.861.808 đồng. Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với bà Nguyễn Thị T để mua hóa đơn và sau đó chuyển khoản tiền sang số tài khoản 53210000463309 tại Ngân hàng B mang tên Ngô Nhật L (con trai bà T).

- Nguồn kinh phí tập huấn:

Ngày 29/12/2017, chuyển khoản tiền thanh toán bút, vở tập huấn số tiền là 5.000.000 đồng. Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với bà Trần Thị T để mua hóa đơn và sau đó chuyển khoản tiền sang số tài khoản 3804205008084 tại Ngân hàng A mang tên Trần Thị T.

Ngày 28/12/2017, chuyển khoản thanh toán tiền phô tô tài liệu phục vụ hội nghị tập huấn trồng trọt, chăn nuôi (10 lớp) số tiền là 5.000.000 đồng. Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với liên hệ với bà Nguyễn Thị T để mua hóa đơn và sau đó chuyển khoản tiền sang số tài khoản 53210000463309 tại Ngân hàng B mang tên Ngô Nhật L (con trai bà T).

Ngày 28/12/2017, chuyển khoản thanh toán tiền uống nước phục vụ hội nghị tập huấn trồng trọt, chăn nuôi (10 lớp) với số tiền là 2.500.000 đồng. Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với bà Trần Thị Mỹ H để mua hóa đơn và sau đó chuyển khoản tiền sang số tài khoản 53210000012880 tại Ngân hàng B mang tên Trần Thị Mỹ H.

- Nguồn kinh phí thụ tinh nhân tạo:

Ngày 25/12/2017, chuyển khoản thanh toán tiền thuê xe chở vật tư thụ tinh nhân tạo bò với số tiền là 12.000.000 đồng. Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với ông Võ Văn T ở thôn A, xã T, huyện T để mua hóa đơn và sau đó chuyển khoản tiền sang số tài khoản 106006155812 tại Ngân hàng C mang tên Võ Văn T.

Ngày 28/12/2017, chuyển khoản thanh toán tiền thuê địa điểm đặt vật tư thụ tinh nhân tạo bò với số tiền là 7.200.000 đồng. Số tiền trên Nguyễn Thị Hồng L chuyển vào số tài khoản 53210000454561 tại Ngân hàng B mang tên bà Nguyễn Thanh H

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị Hồng L làm hồ sơ chuyển khoản vào tháng 12/2017 và tháng 01/2018 là 90.141.808 đồng. Trong số tiền này, thực tế Trạm Khuyến nông thị xã B chỉ mua hàng hóa của một số đơn vị như sau:

Mua văn phòng phẩm trong năm 2017 của bà Trần Thị T (chủ của hàng văn phòng phẩm ở chợ B) với số tiền 4.428.000 đồng; phô tô tài liệu trong năm 2017 tại quán của bà Nguyễn Thị T với số tiền 2.525.000 đồng; trả tiền thuê địa điểm đặt vật tư thụ tinh nhân tạo bò tại nhà bà Nguyễn Thanh H với số tiền 7.200.000 đồng; in ấn phong bì của Trạm Khuyến nông thị xã tại quán phô tô và in ấn của bà Nguyễn Thị T với số tiền 3.861.808 đồng.

Đến khoảng đầu tháng 02/2018 Nguyễn Thị Hồng L đến các đơn vị kinh doanh, cá nhân trên và nhận về số tiền 63.222.808 đồng; các khoản tiền bị can L không nhận về gồm số tiền thanh toán tiền văn phòng phẩm cho bà T và tiền phô tô năm 2017 cho bà T là 6.953.000 đồng, tiền thuê địa điểm đặt vật tư thụ tinh nhân tạo bò 7.200.000 đồng, số tiền 5.000.000 đồng chuyển khoản cho công ty N để thanh toán tiền máy vi tính mà L mua trước đó để phục vụ công tác; số tiền 6.200.000 L thanh toán tiền mua hóa đơn tại các cơ sở kinh doanh và số tiền 1.566.000 đồng mua một số đồ dùng phục vụ công tác.

Như vậy, thực hiện chỉ đạo của Mai Trọng T, Nguyễn Thị Hồng L căn cứ vào các nguồn được Ủy ban nhân dân thị xã cấp để liên hệ với một số cá nhân, đơn vị kinh doanh rồi mua hóa đơn không (không có hàng hóa, dịch vụ đi kèm) hoặc mua hóa đơn với số lượng hàng hóa nhiều hơn hàng hóa thực tế Trạm đã mua nhằm hợp lý hóa hồ sơ, rồi làm thủ tục chuyển khoản gồm giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán/tạm ứng kèm theo (có chữ ký của L, có xác nhận của Mai Trọng T và đóng dấu Trạm Khuyến nông thị xã Ba Đồn) để đến Kho bạc Nhà nước thị xã B chuyển khoản cho các đơn vị đã mua hóa đơn.

Mai Trọng T và Nguyễn Thị Hồng L đã lập khống hồ sơ để Trạm khuyến nông thị xã B hưởng chênh lệch số tiền 72.127.000 đồng.

- Quyết toán mô hình vịt biển Đại Xuyên thuộc nguồn kinh phí UBND tỉnh Quảng Bình cấp cho sự nghiệp khuyến nông năm 2017:

Vào tháng 03/2017, Trạm Khuyến nông thị xã B ký hợp đồng với Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình để triển khai Mô hình vịt biển Đại Xuyên tại 03 hộ gia đình ông Hồ Thanh S ở phường P, ông Nguyễn Phúc C ở phường P và bà Nguyễn Thị H ở xã T với số tiền thực hiện mô hình là 44.435.000 đồng. Quá trình triển khai thực hiện, Mai Trọng T có Quyết định bằng văn bản giao cho ông Trần Khắc N - cán bộ Trạm trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, quản lý mô hình. Sau khi thực hiện xong mô hình, Mai Trọng T chỉ đạo Nguyễn Thị Hồng L làm hồ sơ Quyết toán theo giá trị hợp đồng ban đầu mà Trạm Khuyến nông thị xã đã ký kết với số tiền 44.435.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Thị Hồng L liên hệ với bà Bùi Thị Thục A ở thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là chủ cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y để ký hợp đồng khống và mua hóa đơn với tổng số tiền ghi trong hóa đơn là 39.000.000 đồng.

Sau khi Quyết toán xong hồ sơ, vào tháng 10/2017 ông Nguyễn Thành L - Thủ quỹ Trạm rút tiền về và sau khi trừ đi số tiền đã chi, bị cáo T chỉ đạo nhập quỹ phục vụ hoạt động của Trạm.

Đối với mô hình vịt biển Đại Xuyên, trong tổng số tiền 32.445.000 đồng mà Trạm Khuyến nông thị xã B đã chi chỉ có khoản tiền chi cho các hộ tham gia mô hình (22.365.000 đồng/03 hộ), tiền mua thuốc thú y (900.000 đồng) và tổng kết mô hình (800.000 đồng) là nằm trong nội dung hợp đồng đã ký kết giữa Trạm Khuyến nông và Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh Quảng Bình. Như vậy, đối với

mô hình vịt biển Đại xuyên, Mai Trọng T và Nguyễn Thị Hồng L đã lập không hồ sơ để Trạm hưởng chênh lệch số tiền là 20.370.000 đồng.

- Nguồn kinh phí tập huấn 38.500.000 đồng:

Năm 2017, Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho Trạm Khuyến nông số tiền là 38.500.000 đồng để tổ chức tập huấn chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng T sản tại địa bàn một số xã, phường. Quá trình thực hiện, Trạm tổ chức tập huấn tại các phường P, T, L và xã H với số lượng 05 lớp và chi hết số tiền 8.310.000 đồng. Tuy nhiên đến cuối năm 2017, Mai Trọng T chỉ đạo Nguyễn Thị Hồng L làm giấy rút dự toán ngân sách và bảng kê chứng từ thanh toán với số lượng 10 lớp, kèm theo hồ sơ không (không đúng thực tế tập huấn) để ông Nguyễn Thành L rút tiền tại kho bạc nhà nước thị xã B. Như vậy, đối với nguồn kinh phí tập huấn, Mai Trọng T và Nguyễn Thị Hồng L đã lập không hồ sơ để Trạm hưởng chênh lệch số tiền là 30.190.000 đồng. Số tiền này, Mai Trọng T chỉ đạo ông Nguyễn Thành L - Thủ quỹ Trạm nhập quỹ để phục vụ hoạt động của đơn vị.

- Kinh phí Ủy ban nhân dân thị xã B hỗ trợ cho cán bộ và dẫn tinh viên đi nghiệm thu công tác thụ tinh nhân tạo bò năm 2017 (11 người) với số tiền 3.300.000 đồng:

Theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 để phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo bò năm 2017 trên địa bàn UBND thị xã B phân bổ cho Trạm Khuyến nông thị xã B số tiền 3.300.000 đồng để hỗ trợ cho cán bộ và dẫn tinh viên đi nghiệm thu công tác thụ tinh nhân tạo bò năm 2017 (11 người)

Thực tế trong năm 2017, Trạm Khuyến nông thị xã B không tổ chức đi nghiệm thu việc thụ tinh nhân tạo bò tại các xã, phường thuộc địa bàn thị xã mà chỉ thông qua việc thu vật tư để kiểm tra, giám sát việc thụ tinh của Dẫn tinh viên. Tuy nhiên, đến cuối tháng 12/2017 Mai Trọng T chỉ đạo Nguyễn Thị Hồng L làm thủ tục gồm giấy rút dự toán ngân sách và danh sách 11 người kèm theo để ông Nguyễn Thành L đến Kho bạc Nhà nước thị xã B rút số tiền trên về và nhập quỹ phục vụ chi tiêu của đơn vị.

- Tiền Ủy ban nhân dân thị xã B hỗ trợ Tết Nguyên đán năm 2018 cho 05 Dẫn tinh viên với số tiền 1.500.000 đồng:

Vào cuối năm 2017, Trạm Khuyến nông có tờ trình gửi Ủy ban nhân dân thị xã B đề nghị hỗ trợ Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 cho 05 dẫn tinh viên với số tiền 1.500.000 đồng (Kèm theo danh sách hỗ trợ Tết cho cán bộ Trạm khuyến nông và khuyến nông viên các xã, phường trên địa bàn) và được Ủy ban nhân dân thị xã B đồng ý. Tuy nhiên, thực tế năm 2017 chỉ có ông Nguyễn Xuân T trú tại xã H, thị xã B là dẫn tinh viên hoạt động trên địa bàn thị xã; còn 03 dẫn tinh viên trú tại địa bàn huyện T gồm ông Hoàng Quốc T, Trần Văn S, Nguyễn Xuân V có tham gia thụ tinh nhân tạo bò trên địa bàn thị xã nhưng lấy vật tư ở huyện và ông Nguyễn Tiến D trú tại xã T đã nghỉ làm dẫn tinh viên từ năm 2015. Đến cuối tháng 12/2017, Mai Trọng T chỉ đạo Nguyễn Thị Hồng L làm thủ tục gồm giấy rút dự toán ngân sách và danh sách 26 người kèm theo (trong đó có 05 Dẫn tinh viên) để ông Nguyễn Thành L đến

Kho bạc Nhà nước thị xã Ba Đồn rút tiền. Tuy nhiên, sau đó Mai Trọng T chỉ đạo phát tiền cho ông Nguyễn Xuân Thiệu, còn số tiền 1.200.000 đồng T chỉ đạo ông Long nhập quỹ phục vụ chi tiêu của đơn vị.

Đối với số tiền chênh lệch do lập không mô hình vệt biển Đại Xuyên là 20.370.000 đồng, Mai Trọng T đã chỉ đạo chi hết số tiền 8.380.000 đồng trong quá trình triển khai mô hình (chi tiếp khách Trung tâm 03 đợt vào các ngày 17/4, 04/5, 06/6 với tổng số tiền là 2.680.000 đồng; chi tiền mua hóa đơn thức ăn để hợp lý hồ sơ quyết toán với số tiền 3.900.000 đồng; chi tiền thuê xe và quyết toán với số tiền là 1.800.000 đồng). Số tiền còn lại 11.990.000 đồng, Mai Trọng T đã chỉ đạo ông Nguyễn Thành L nhập quỹ cùng với các khoản tiền chênh lệch do lập không nguồn kinh phí tập huấn (30.190.000 đồng), nguồn kinh phí hỗ trợ cho cán bộ nghiệm thu thụ tinh nhân tạo bò năm 2017 (3.300.000 đồng), nguồn hỗ trợ Tết nguyên đán năm 2018 cho Dẫn tinh viên (1.200.000 đồng) để phục vụ chi cuối năm của Trạm và đã chi hết vào trước dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã tạm giữ các tài liệu liên quan đến vụ án: 02 quyển sổ theo dõi thu, chi của Trạm trong năm 2015, 2016; 01 (một) sổ quỹ tiền mặt do Thanh tra thị xã B bàn giao bên trong thể hiện các nội dung mà ông Nguyễn Thành L ghi chép lại về việc thu chi các khoản tiền lập không trong năm 2017; hồ sơ Quyết toán mô hình vệt biển Đại xuyên do Trung tâm Khuyến nông -Khuyến ngư tỉnh Quảng Bình cung cấp; hồ sơ liên quan đến khoản tiền mà bà L làm thủ tục chuyển khoản và rút tiền do Kho bạc Nhà nước thị xã B cung cấp; một số tài liệu khác liên quan đến việc cấp kinh phí thụ tinh nhân tạo bò trong năm 2017 do phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã B cung cấp; các hóa đơn do Nguyễn Thị Hồng L mua để hợp lý hóa hồ sơ do Trạm Khuyến nông thị xã cung cấp.

Ngoài ra, cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã tạm giữ số tiền 109.888.808 đồng (một trăm linh sáu triệu không trăm hai mươi bảy ngàn đồng) là vật chứng của vụ án từ một số đơn vị, cá nhân liên quan và do các bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả, trong đó Nguyễn Thị Hồng L đã tự nguyện giao nộp số tiền 70.788.808 đồng; bị can Mai Trọng T đã tự nguyện giao nộp số tiền 6.000.000 đồng; thu hồi từ các đơn vị kinh doanh và những người có liên quan số tiền 33.100.000 đồng.

Quá trình truy tố, bị cáo Mai Trọng T tiếp tục tự nguyện giao nộp số tiền 13.160.000 đồng, trong đó có 4.500.000 đồng là số tiền mà bị can T chỉ đạo lập không nguồn kinh phí hỗ trợ cán bộ nghiệm thu thụ tinh nhân tạo bò trong năm 2017 và hỗ trợ Tết Nguyên đán năm 2018 cho các Dẫn tinh viên và 8.660.000 đồng là số tiền gây thất thoát cho Nhà nước trong tổng số tiền 16.660.000 đồng thuộc về trách nhiệm chung của bị cáo T và bị cáo L. Còn lại số tiền 8.000.000 đồng thuộc về trách nhiệm bị cáo Nguyễn Thị Hồng L vì vậy buộc bị cáo L tiếp tục bồi thường cho Nhà nước trong giai đoạn xét xử, thi hành án.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại cho Trạm Khuyến nông thị xã B số tiền 3.861.808 đồng (tiền Trạm in phong bì tại quán

bà Nguyễn Thị T ở khu phố 1, phường B, thị xã B) và 02 quyền sở theo dõi thu, chi của Trạm trong năm 2015, 2016 vì không liên quan đến vụ án.

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKSNDTXBD ngày 16 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố các bị cáo Mai Trọng T và Nguyễn Thị Hồng L về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 356, Điều 36, điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Mai Trọng T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 05% đến 07% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Mai Trọng T; áp dụng Khoản 1 Điều 356, Điều 36, các điểm b, s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng L từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 05% đến 07% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng L.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: tuyên tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 106.027.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự buộc Nguyễn Thị Hồng L hoàn trả số tiền 8.000.000 đồng để tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

Sau khi nghe bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, các bị cáo không có ý kiến tranh luận và bào chữa mà thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản luận tội đã nêu.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, kính xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Mai Trọng T và Nguyễn Thị Hồng L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Phù hợp với lời khai tại cơ quan

điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B. Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như số tiền thu được đã đủ cơ sở kết luận: Trong năm 2017 và đầu năm 2018, Mai Trọng T với vai trò là Phó trưởng trạm phụ trách Trạm Khuyến nông thị xã Ba Đồn, là người đứng đầu đơn vị. Quá trình đảm nhiệm công việc phụ trách Trạm Khuyến nông thị xã B, Mai Trọng T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chỉ đạo lập khống hồ sơ một số nguồn kinh phí, mô hình để lấy tiền Nhà nước nhằm mục đích chi hoạt động của Trạm, đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 127.187.000 đồng.

Nguyễn Thị Hồng L với vai trò được phân công là kế toán Trạm, có nhiệm vụ theo dõi, lập hồ sơ Quyết toán mô hình, làm thủ tục rút dự toán ngân sách do Ủy ban nhân dân thị xã B phân bổ về cho Trạm thông qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước thị xã B để chi trả cho hoạt động của Trạm. Quá trình đảm nhiệm công việc kế toán, Nguyễn Thị Hồng L đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao lập khống hồ sơ để rút tiền Nhà nước về phục vụ hoạt động của Trạm gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 122.687.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” được quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Trong hai bị cáo, thì Mai Trọng T đóng vai trò chính vì tại thời điểm phạm tội bị cáo T là Phó Trưởng Trạm phụ trách Trạm Khuyến nông thị xã Ba Đồn, là người đứng đầu, chủ tài khoản của đơn vị. Bị cáo cũng là người chỉ đạo cho Nguyễn Thị Hồng L thực hiện việc lập khống hồ sơ để rút tiền về quỹ của Trạm khuyến nông để chi tiêu chung. Nguyễn Thị Hồng L là người được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán, với nhiệm vụ được phân công là Kế toán Trạm khuyến nông, có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho trưởng Trạm khuyến nông trong công tác quản lý, tài chính ngân sách của Trạm. Quá trình đảm nhiệm công việc kế toán, Nguyễn Thị Hồng L đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao lập khống hồ sơ để rút tiền Nhà nước về phục vụ hoạt động của Trạm. Do vậy, Nguyễn Thị Hồng L phải chịu trách nhiệm hình sự sau Mai Trọng T. Mặc dù trong vụ án, có hai bị cáo có chức vụ quyền hạn, cùng thực hiện một tội phạm. Tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể mà chỉ là sử dụng chỉ đạo nghiệp vụ trong quá trình cân đối thu chi tài chính của đơn vị nên hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm ở mức giản đơn.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm thiệt hại tài sản của nhà nước và hoạt động chung của đơn vị. Hành vi của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo là người có chức vụ quyền hạn, được đào tạo cơ bản về lĩnh vực mình phụ trách, nhận thức được rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét quyết định áp dụng một mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe, phòng ngừa và cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị can Mai Trọng T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị can Nguyễn Thị Hồng L được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[5] Về hình phạt: Xét về nhân thân, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng nên không cần bắt các bị cáo phải cách ly xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục theo quy định của Điều 36 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe và cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên phải khấu trừ thu nhập cá nhân đối với các bị cáo theo quy định pháp luật.

[6] Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: tuyên tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 106.027.000 đồng.

[7] Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự buộc Nguyễn Thị Hồng L hoàn trả số tiền 8.000.000 đồng để tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

[8] Liên quan trong vụ án này còn có Nguyễn Thành L là cán bộ, kiêm thủ quỹ Trạm (trong năm 2017) là người theo dõi việc thu chi các khoản tiền do lập không hồ sơ mà có trên. Tuy nhiên, quá trình Mai Trọng T và Nguyễn Thị Hồng L lập không hồ sơ các nguồn kinh phí, mô hình, anh L hoàn toàn không biết. Việc ghi chép, theo dõi thu chi anh Long thực hiện theo sự chỉ đạo của Mai Trọng T và Nguyễn Thị Hồng L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn chỉ tiến hành nhắc nhở, răn đe là phù hợp.

Trần Khắc N là cán bộ, trực tiếp theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện mô hình vịt biển Đại Xuyên và có lập một số chứng từ trong hồ sơ Quyết toán. Tuy nhiên, ông N chỉ thực hiện theo sự chỉ đạo của Mai Trọng T, việc chi cho mô hình như thế nào ông N không biết. Ngoài ra, đối với hồ sơ lập không một phần nguồn kinh phí tập huấn, Mai Trọng T là người chỉ đạo ông N ký tại các xã, phường nhưng ông N không biết việc lập không hồ sơ. Vì vậy, việc Cơ quan CSĐT Công an thị xã B tiến hành nhắc nhở, răn đe là phù hợp.

Đối với các đơn vị kinh doanh, cá nhân lập hóa đơn không gồm bà Trần Thị T, Nguyễn Thị T, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Thu H, Võ Văn T, Lê Thanh S, Nguyễn Thị Hà T và Bùi Thị Thục A đã ghi hóa đơn vượt quá số lượng thực tế và hóa đơn không (không có hàng hóa, dịch vụ đi kèm). Hành vi này không cấu thành tội mua bán trái phép hóa đơn.

Đối với hành vi mua hóa đơn không của Nguyễn Thị Hồng L từ các đơn vị kinh doanh, cá nhân liên quan với mục đích là để hợp lý hóa hồ sơ nhằm thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý về hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn là phù hợp.

Đối với hành vi thu tiền vật tư đối ứng từ ông Nguyễn Xuân T số tiền 18.395.000 đồng Mai Trọng T chỉ đạo thu và nhập quỹ số tiền trên là đúng nguyên tắc thu chi tài chính, không cấu thành tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Đối với hành vi nhận tiền về từ các đơn vị kinh doanh nhưng không nhập quỹ Trạm của Nguyễn Thị Hồng L. Quá trình điều tra xác định, sau khi nhận tiền về từ các đơn vị kinh doanh, bị can L liên hệ với ông Nguyễn Thành L là cán bộ kiêm thủ quỹ trạm để nhập quỹ đơn vị nhưng Mai Trọng T không đồng ý nên giữa hai người phát sinh mâu thuẫn. Đến sau dịp Tết Nguyên đán năm 2018, Nguyễn Thị Hồng L vẫn đến Trạm Khuyến nông làm việc và từ khoảng tháng 04/2018 đến nay L mang thai sức khỏe yếu không đến làm việc tại Trạm. Do đó, đối với khoản tiền này không có căn cứ xác định Nguyễn Thị Hồng L chiếm đoạt số tiền này.

[9] Đối với phần trình bày luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Mai Trọng T và Nguyễn Thị Hồng L phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Mai Trọng T** 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Mai Trọng T cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Mai Trọng T là 05%, trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hồng L** 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng L cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Khấu trừ thu

nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng L là 05%, trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: tuyên tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 106.027.000 đồng (Một trăm L sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

4. Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự buộc Nguyễn Thị Hồng L hoàn trả số tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) để tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Mai Trọng T và Nguyễn Thị Hồng L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/3/2019). Những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trần Anh Tuấn**

